**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn Ngữ văn lớp 7**

*Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian giao đề*

**I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)**

**Đọc văn bản sau:**

Vào một ngày hè nắng chói chang và gió thổi mát rượi, một chú châu chấu xanh nhảy tanh   tách  trên  cánh đồng, miệng chú ca  hát  ríu  ra  ríu  rít. Bỗng chú bắt gặp chú kiến đi ngang qua, kiến đang còng lưng cõng một hạt ngô để tha về tổ. Châu chấu cất giọng rủ rê: “Bạn kiến ơi, thay vì làm việc cực nhọc, chi bằng bạn hãy lại đây trò chuyện và đi chơi thoả thích cùng tớ đi!”. Kiến trả lời “Không, tớ bận lắm, tớ còn phải đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông sắp tới. Bạn cũng nên làm như vậy đi bạn châu chấu ạ”.

- “Còn lâu mới tới mùa đông, bạn chỉ khéo lo xa…”. Châu chấu mỉa mai. Kiến dường như không quan tâm tới những lời của châu chấu xanh, nó tiếp tục tha  mồi về tổ  một cách chăm chỉ và cần mẫn. Thế  rồi mùa đông lạnh lẽo cũng  tới, thức ăn trở  nên  khan hiếm, châu chấu  xanh  vì  mải chơi   không chuẩn bị lương thực nên giờ sắp kiệt sức vì đói và rét. Nó đến cầu cứu và được con kiến giúp  đỡ. Còn kiến thì có một mùa đông no đủ với một tổ đầy  những ngô, lúa mì mà  nó đã chăm chỉ tha về   suốt cả mùa hè.

(“ Kiến và Châu Chấu”- Truyện ngụ ngôn Việt Nam)

**Câu 1**. **Truyện *Kiến và Châu chấu* thuộc thể loại nào?**

A. Truyện thần thoại. B. Truyện ngụ ngôn. C. Truyền thuyết. D. Truyện cổ tích.

Câu 2. Truyện được kể ở ngôi thứ mấy?

A.Ngôi thứ nhất. B. Ngôi thứ `ba

**Câu 2**. **Trong đoạn 1 , châu chấu xanh gặp kiến trong hoàn cảnh nào?**

A. Kiến đang  cõng một hạt ngô để tha về tổ.

B. Kiến đang làm việc xây tổ.

C. Kiến đang ca hát.

D. Kiến đang lao động

**Câu 3*. Châu chấu đã rủ kiến làm gì cùng mình?***

A. Cùng nhau ca hát, nhảy múa

B. Trò chuyện và đi chơi thoả thích

C. Cùng nhau khám phá trên cánh đồng

D. Cùng nhau chuẩn bị lương thực cho mùa đông

**Câu 4*. Kiến đã khuyên châu chấu nên làm gì?***

A. Chăm chỉ làm việc, đừng rong chơi

B. Đi thu lượm lương thực trên cánh đồng.

C. Đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông sắp tới

D. Cùng tha mồi về tổ kiến

**Câu 5**. Vì sao kiến không đi chơi cùng châu chấu?

A. Kiến không thích đi chơi

B. Kiến không thích châu chấu

C. Kiến đi kiếm thức ăn để dự trữ cho mùa đông

D. Kiến không muốn lãng phí thời gian

**Câu 6.** Kết cục nào đã đến với Châu chấu?

A.Châu chấu vẫn rong chơi thỏa thích.

B.Châu chấu phải nhờ sự giúp đỡ của mọi người.

C.Châu chấu kiệt sức vì vừa đói vừa rét khi mùa đông đến.

D.Châu chấu bị Kiến mỉa mai.

**Câu 7** Trong truyện, Kiến là  hình ảnh đại diện cho  kiểu người nào  trong cuộc sống?

A. Những người vô lo, vô nghĩ

B. Những người chăm chỉ

C. Những người chăm chỉ, biết lo xa

D. Những người chỉ biết hưởng thụ

**Câu 8*.* Dấu ba chấm** **trong câu sau có tác dụng gì ?**

“Còn lâu mới tới mùa đông, bạn chỉ khéo lo xa…”

A. Cho biết sự vật, hiện tượng chưa liệt kê hết.

B. Giãn nhịp điệu câu văn, chuẩn bị cho sự xuất hiện của một từ ngữ biểu thị nội dung bất ngờ, thường có sắc thái hài hước, châm biếm..

C. Thể hiện sự bất ngờ.

D. Thể hiện lời nói ngập ngừng, bỏ dở, ngắt quãng.

**Câu 9**. Hãy chỉ ra sự khác nhau trong tính cách của Châu chấu và Kiến?

**Câu 10** . Những bài học tâm đắc mà em rút ra từ câu chuyện?

**II. VIẾT (4.0 điểm)**

Có ý kiến cho rằng: *“ Trong cuộc sống hôm nay, những trải nghiệm thật là cần thiết đối với các bạn trẻ”.* Hãy viết bài văn nêu suy nghĩ của em về ý kiến trên?

------------------------- Hết -------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**Môn: Ngữ văn lớp 7**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | B | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | C | 0,5 |
| **5** | C | 0,5 |
| **6** | C | 0,5 |
| **7** | C | 0,5 |
| **8** | D | 0,5 |
|  | **9** | - HS nêu được :  - Châu chấu: Mải chơi, thích hưởng thụ cuộc sống, lười biếng, không biết lo xa.  - Kiến: Chăm chỉ, biết lo xa, tốt bụng. | 1,0 |
|  | **10** | Bài học rút ra:  VD: Chúng ta cần rèn luyện để có phẩm chất siêng năng, chăm chỉ trong học tập và lao động, không được ham chơi, lười biếng  -Biết lo xa để tự chủ trong cuộc sống, không phải sống dựa dẫm, ỷ lại vào người khác. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận* | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề*.  Viết bài văn nghị luận trình bày quan điểm về trải nghiệm là sự cần thiết cho giới trẻ hôm nay. | 0,25 |
|  | *c. Yêu cầu đối với* bài văn nghị luận  HS có thể trình bày theo nhiều cách, nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: | 0,5 |
|  | - Nêu được vấn đề cần nghị luận  - Giải thích: trải nghiệm là gì?  Là tự mình trải qua để có được hiểu biết, kinh nghiệm, tích lũy được nhiều kiến thức và vốn sống  - Bình luận và chứng minh về vai trò, ý nghĩa và sự cần thiết của trải nghiệm đối với cuộc sống của con người đặc biệt là tuổi trẻ. +Hiểu biết, giúp ta có kinh nghiệm, có cách nghĩ, cách sống tích cực.  + Biết yêu thương, quan tâm chia sẻ....  + Trải nghiệm giúp bản thân khám phá ra chính mình để có quyết định đúng đắn, sáng suốt...;  + Giúp con người sáng tạo, biết cách vượt qua khó khăn, có bản lĩnh, nghị lực...  HS nêu được dẫn chứng  - Chỉ ra những tác hại của lối sống thụ động, ỷ lại, phụ thuộc 🡪 nhàm chán, sống vô ích, cuộc sống thiếu ý nghĩa.  - Bài học rút ra: Có lối sống tích cực, có trải nghiệm để bản thân trưởng thành, sống đẹp...  - Đánh giá, khẳng định tính đúng đắn của vấn đề nghị luận. | 2.5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. | 0,25 |
|  | *e. Sáng* tạo: Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | 0,25 |

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội**  **dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **3** | **0** | **5** | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20** | | **40%** | | **30%** | | **10%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **Nhận biết**:  - Nhận biết được thể loại, đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.  - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.  **Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện.  - Giải thích được công dụng của dấu chấm lửng  **Vận dụng:**  - Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm. | | 3TN | | 5TN | 2TL |  | |
|  |
| **2** | **Viết** | Nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **Nhận biết:** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.  **Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức (Từ ngữ, diễn đạt, bố cục văn bản…)  **Vận dụng:**  Viết được một bài văn nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống. Lập luận mạch lạc, biết kết hợp giữa lí lẽ và dẫn chứng để làm rõ vấn đề nghị luận; ngôn ngữ trong sáng, giản dị; thể hiện được cảm xúc của bản thân trước vấn đề cần bàn luận.  **Vận dụng cao:**  Có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt, lựa chọn lí lẽ, dẫn chứng để bày tỏ ý kiến một cách thuyết phục. | |  | |  |  | 1TL\* | |
| **Tổng** | | | |  | | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lệ %*** | | | |  | | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung** | | | |  | | **60** | | **40** | |